

Bản án số: 247/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2022

*V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Quách Trung Sơn**

2. Ông **Nguyễn Văn Bình**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.*

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 517/2022/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Thùy N**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Chu Ngọc H**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N có mặt tại phiên tòa; Anh H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy N trình bày:*

- Chị và anh Chu Ngọc H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị yêu cầu xin được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Chu Bảo X, sinh ngày 18/01/2015 và Chu Bảo Y, sinh ngày 08/7/2020. Hiện do chị N nuôi dưỡng. Khi

ly hôn chỉ yêu cầu tiếp tục nuôi hết 02 con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

*\* Theo Tờ tự khai đề ngày 13/7/2022, bị đơn anh Chu Ngọc H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân anh thống nhất với lời trình bày chị N. Nay anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Chu Bảo X, sinh ngày 18/01/2015 và Chu Bảo Y, sinh ngày 08/7/2020. Hiện do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh đồng ý giao hết 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất lời trình bày chị N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn xin vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của chị và anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị N có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh H và yêu cầu nuôi con chung của chị với anh H nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về việc vắng mặt của bị đơn:* Anh H là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 01/7/2022 được Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh chứng thực ngày 01/7/2022. Xét yêu cầu xin xét xử vắng mặt của anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của anh H.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

##### **[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Lê Thị Thùy N và anh Chu Ngọc H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2013 quyển số 01/2013 ngày 10/6/2013. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và cắt đứt

quan hệ vợ chồng đến nay. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

Mặc dù anh H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo ý kiến lời khai tại Tòa tự khai đề ngày 13/7/2022 anh H cũng đồng ý ly hôn chị N, lẽ ra công nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai anh chị, nhưng do anh H vắng mặt, Hội đồng xét xử không công nhận sự thỏa thuận này mà Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của chị N. Xét thấy, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay. Hơn nữa, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị N, chứng tỏ tình cảm vợ chồng anh chị đã thật sự tan vỡ không còn khả năng đoàn tụ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ nên phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N và cho chị N được ly hôn với anh H.

[2.2]. *Về con chung*: Chị N, anh H có 02 con chung tên Chu Bảo X, sinh ngày 18/01/2015 và Chu Bảo Y, sinh ngày 08/7/2020. Hiện do chị N nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định. Hơn nữa, qua ý kiến lời khai tham khảo cháu X cũng có nguyện vọng sống với chị N, nên tiếp tục giao hết 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con. Xét thấy, đây là con chung của chị N và anh H, sau khi ly hôn anh H là người không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 82, Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N.

- Về mức cấp dưỡng nuôi con chị N yêu cầu mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng/02 con. Xét mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N cũng phù hợp với khả năng thu nhập của anh H, nên chấp nhận yêu cầu này của chị N, buộc anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng/02 con. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Không có.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không có.

[3]. **Về án phí**: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Chị N, anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thùy N.

- Cho chị Lê Thị Thùy N được ly hôn với anh Chu Ngọc H.

**2. Về con chung:** Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Lê Thị Thùy N.

- Tiếp tục giao 02 con chung tên Chu Bảo X, sinh ngày 18/01/2015 và Chu Bảo Y, sinh ngày 08/7/2020 cho chị N nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Chu Ngọc H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng số tiền là 3.000.000 đồng/02 con. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

- Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

**3. Về tài sản chung:** Không có.

**4. Về nợ chung:** Không có.

**5. Về án phí:**

- Chị Lê Thị Thùy N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010031 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị N đã thi hành xong phần án phí.

- Anh Chu Ngọc H chịu 300.000 đồng về phần cấp dưỡng nuôi con.

**6. Về quyền kháng cáo:**

- Chị N, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Anh H được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Tân Hưng, H. Cái Bè, TG;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Nhịn**

